

Số: 1916/ĐHQG-ĐT
V/v phổ biến Khung năng lực
giảng dạy số của giảng viên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị thành viên

Một trong những mục tiêu và giải pháp cụ thể được Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) xác định trong Chiến lược phát triển ĐHQG-HCM giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 là “Thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong công tác tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng”.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, ĐHQG-HCM giới thiệu và phổ biến đến các đơn vị thành viên thông tin về Khung năng lực giảng dạy số của giảng viên tại ĐHQG-HCM (đính kèm) để làm tài liệu tham khảo (nếu cần) khi xây dựng, phát triển và bồi dưỡng năng lực giảng dạy số cho đội ngũ làm công tác giảng dạy tại đơn vị.

Các đơn vị chủ động lựa chọn và vận dụng các nội dung của Khung năng lực số để xây dựng kế hoạch, lộ trình và giải pháp riêng để phát triển năng lực giảng dạy số cho giảng viên vào các hoạt động như thiết kế các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn; đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra phù hợp với đặc thù của đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc ĐHQG-HCM (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT.

**TL. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG BAN ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG BAN**


Huỳnh Khả Tú

Phụ lục
KHUNG NĂNG LỰC GIẢNG DẠY SỐ CỦA GIẢNG VIÊN
TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Kèm theo Công văn số ... /ĐHQG-ĐT ngày ... tháng 8 năm 2025
của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

I. Mục đích

- Là tài liệu tham chiếu để xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực giảng dạy số cho đội ngũ giảng viên tại đơn vị mình.
- Hỗ trợ giảng viên tự đánh giá, xây dựng kế hoạch học tập, phát triển chuyên môn, nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy trong kỷ nguyên số.
- Các đơn vị tham khảo khung năng lực này để làm một trong các cơ sở cho xây dựng công cụ đánh giá, phục vụ công tác quản lý, phát triển đội ngũ và đảm bảo chất lượng đào tạo trong nội bộ.

II. Đối tượng sử dụng

- Giảng viên đang công tác tại các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM.
- Lãnh đạo các đơn vị, phòng/ban chức năng liên quan đến công tác đào tạo, quản lý và phát triển đội ngũ giảng viên.
- Các đơn vị, tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên.

III. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Năng lực giảng dạy số là tập hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết mà người dạy cần có để tích hợp hiệu quả công nghệ số vào quá trình giảng dạy, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và đạt được mục tiêu giáo dục đã được đề ra.
- Hệ thống quản lý học tập (LMS) là hệ thống thông tin cho phép tổ chức, lưu trữ, chuyển tải học liệu; giao nhiệm vụ, kiểm tra, đánh giá và theo dõi, hỗ trợ người học trong môi trường trực tuyến.
- Học liệu số là bất kỳ loại nội dung nào tồn tại dưới dạng dữ liệu số, có thể được tạo, xem, phân phối, sửa đổi và lưu trữ bằng máy tính và công nghệ kỹ thuật số. Bao gồm video bài giảng, slide, tài liệu đọc, câu hỏi tương tác, v.v..
- Trí tuệ nhân tạo (AI) tạo sinh là một lĩnh vực của trí tuệ nhân tạo, tập trung vào việc tạo ra dữ liệu mới như văn bản, hình ảnh, âm thanh hoặc video dựa trên dữ liệu đã có.

IV. Khung năng lực giảng dạy số của giảng viên

1. Cấu trúc Khung năng lực giảng dạy số

Khung năng lực giảng dạy số của giảng viên được cấu trúc gồm: 05 miền năng lực với 17 năng lực thành phần. Mỗi năng lực thành phần được mô tả theo 03 cấp độ thể hiện mức độ thành thạo sơ cấp (cấp độ 1), trung cấp (cấp độ 2) và cao cấp (cấp độ 3).

2. Bảng mô tả các miền năng lực và năng lực thành phần của khung năng lực giảng dạy số của giảng viên

STT	Miền năng lực	Mô tả tổng quát	Năng lực thành phần	Mô tả năng lực
1	Sáng tạo nội dung số	Biên tập nội dung số phù hợp với mục tiêu học tập, đối tượng người học và phong cách giảng dạy; đồng thời, tuân thủ các quy định về quyền riêng tư, giấy phép và bản quyền của nội dung số.	Chọn lọc nội dung số	Xác định, đánh giá và lựa chọn các nội dung số phục vụ cho hoạt động dạy học.
			Phát triển và hiệu chỉnh nội dung số	Phát triển và hiệu chỉnh các nội dung số đã có giấy phép mở hoặc các nội dung số khác được phép sử dụng phục vụ cho hoạt động dạy học.
			Quản lý, bảo vệ và chia sẻ nội dung số	Quản lý, bảo vệ và chia sẻ nội dung số một cách an toàn, tuân thủ quy định về quyền riêng tư, giấy phép và bản quyền; đồng thời ghi nhận nguồn gốc đầy đủ khi sử dụng giấy phép mở.
2	Tổ chức hoạt động dạy học trực tuyến	Thiết kế, triển khai và giám sát hoạt động dạy học trực tuyến, đáp ứng nhu cầu hướng dẫn của người học, khuyến khích học tập hợp tác, tự điều chỉnh ở người học, nhằm xây dựng cộng đồng học tập trực tuyến hiệu quả.	Giảng dạy	Lên kế hoạch và tích hợp các công cụ, nội dung số vào quá trình giảng dạy để nâng cao hiệu quả, quản lý chiến lược giảng dạy hợp lý, thử nghiệm và phát triển các chiến lược giảng dạy mới.
			Hướng dẫn	Tăng cường tương tác và hỗ trợ người học thông qua công nghệ số, cung cấp hướng dẫn kịp thời và phát triển các hình thức hỗ trợ mới.
			Học tập hợp tác	Sử dụng công nghệ số để thúc đẩy hợp tác giữa người học, tăng cường giao tiếp, làm việc nhóm, cùng xây dựng và đồng sáng tạo dữ liệu, tài nguyên và kiến thức.
			Học tập tự điều chỉnh	Hỗ trợ người học tự lập kế hoạch, theo dõi, đánh giá quá trình học tập và sáng tạo giải pháp thông qua công nghệ số.

STT	Miền năng lực	Mô tả tổng quát	Năng lực thành phần	Mô tả năng lực
			Sử dụng AI tạo sinh	Sử dụng AI trong hoạt động dạy học một cách có đạo đức và trách nhiệm.
3	Đánh giá trực tuyến	Áp dụng được các hình thức đánh giá trực tuyến khác nhau, phân tích dữ liệu số liên quan đến người học, cung cấp phản hồi kịp thời thông qua công nghệ số, nhằm đưa ra các quyết định điều chỉnh hoạt động dạy học kịp thời.	Đánh giá kết quả học tập	Áp dụng công nghệ số trong đánh giá kết quả học tập, đa dạng hóa các dạng bài kiểm tra trực tuyến.
			Phân tích dữ liệu số	Thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu số về hoạt động, kết quả và tiến trình học tập của người học để hỗ trợ cho hoạt động dạy học.
			Phản hồi và lập kế hoạch	Sử dụng công nghệ số để cung cấp phản hồi cho người học; qua đó, điều chỉnh hoạt động giảng dạy sao cho phù hợp dựa trên dữ liệu số.
4	Trao quyền cho người học trong môi trường số	Sử dụng công nghệ số để cá nhân hóa học tập, khuyến khích sự tham gia chủ động, đồng thời đảm bảo sự bình đẳng và tiếp cận công bằng cho mọi người học.	Khả năng tiếp cận và hòa nhập	Đảm bảo tất cả người học, bao gồm cả những người có nhu cầu đặc biệt, đều có thể sử dụng nội dung số và tham gia các hoạt động học tập; đồng thời, đáp ứng kỳ vọng và khả năng sử dụng công nghệ của người học trong mọi điều kiện khác nhau.
			Phân hóa và cá nhân hóa	Sử dụng công nghệ số để đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng, hỗ trợ người học tiến bộ theo lộ trình, mục tiêu và tốc độ học tập cá nhân.
			Thúc đẩy sự tham gia của người học	Ứng dụng công nghệ số để khuyến khích người học tham gia tích cực, phát triển tư duy phản biện, năng lực sáng tạo và kết nối học tập trong các bối cảnh thực tiễn.
5	Thúc đẩy năng lực số của người học	Thúc đẩy năng lực số cho người học, giúp họ sử dụng công nghệ số một cách hiệu	Thúc đẩy sự hiểu biết thông tin và sử dụng công nghệ	Tích hợp các hoạt động học tập, bài tập và đánh giá yêu cầu người học rèn luyện năng lực tìm kiếm, phân tích, đánh giá nội dung số và ứng dụng

STT	Miền năng lực	Mô tả tổng quát	Năng lực thành phần	Mô tả năng lực
		quả, sáng tạo và có trách nhiệm.	có trách nhiệm của người học	công nghệ số trong học tập một cách an toàn và có trách nhiệm.
			Thúc đẩy khả năng sáng tạo nội dung số của người học	Tích hợp các hoạt động học tập, bài tập và bài kiểm tra yêu cầu người học sử dụng các công cụ công nghệ để thể hiện ý tưởng, chỉnh sửa và tạo nội dung ở nhiều định dạng; đồng thời, hướng dẫn người học cách áp dụng bản quyền, giấy phép và trích dẫn nguồn của nội dung số.
			Thúc đẩy khả năng sử dụng AI tạo sinh của người học	Hướng dẫn người học sử dụng AI trong học tập, làm việc và cuộc sống một cách có đạo đức và trách nhiệm.

3. Tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy số của giảng viên theo cấp độ

3.1. Bảng Tiêu chí đánh giá miền năng lực số “Sáng tạo nội dung số”

Mức độ	N1.1. Chọn lọc nội dung số	N1.2. Tạo và hiệu chỉnh nội dung số	N1.3. Quản lý, bảo vệ và chia sẻ nội dung số
Sơ cấp	Nhận thức và sử dụng các công cụ công nghệ cơ bản (ví dụ: công cụ tìm kiếm Google) để tìm kiếm nội dung số có liên quan.	Sử dụng các công cụ công nghệ cơ bản (ví dụ: Google Docs, Microsoft Word hoặc Canva) để tạo và hiệu chỉnh nội dung số với các tính năng đơn giản.	Sử dụng các công cụ công nghệ cơ bản (ví dụ: Google Drive) để quản lý và chia sẻ nội dung số.
Trung cấp	Xác định, đánh giá và lựa chọn nội dung số qua các công cụ công nghệ nâng cao như công cụ AI (ví dụ: ChatGPT hoặc Perplexity), cơ sở dữ liệu học thuật hoặc công cụ quản lý nội dung (ví dụ: Wakelet).	Sử dụng các công cụ công nghệ để tạo và hiệu chỉnh nội dung số với các tính năng nâng cao (ví dụ: Adobe Spark, PowerPoint hoặc Canva Pro), phù hợp với bối cảnh học tập cụ thể.	Quản lý, bảo vệ và chia sẻ nội dung số một cách chuyên nghiệp (ví dụ: LMS), phù hợp với các quy định về quyền riêng tư, giấy phép và bản quyền của nội dung số.
Cao cấp	Xác định, đánh giá và lựa chọn nội dung số một cách toàn diện qua các công cụ	Sử dụng các công cụ công nghệ tiên tiến như AI, VR để tạo,	Xuất bản và chia sẻ nội dung số tự tạo một cách chuyên nghiệp,

	công nghệ nâng cao, có xem xét đến nhiều khía cạnh (ví dụ: chất lượng, tính bao hàm, khả năng sử dụng, v.v.).	đồng sáng tạo và hiệu chỉnh nội dung số có tính tương tác cao, phù hợp với bối cảnh học tập.	đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn an toàn dữ liệu GDPR/FERPA và giấy phép Creative Commons.
--	---	--	---

3.2. Bảng tiêu chí đánh giá miền năng lực số “Tổ chức hoạt động dạy học trực tuyến”

Cấp độ	N2.1. Giảng dạy trực tuyến	N2.2. Hướng dẫn trực tuyến	N2.3. Học tập hợp tác trực tuyến	N2.4. Học tập tự điều chỉnh trực tuyến	N2.5. Sử dụng AI tạo sinh
Sơ cấp	Sử dụng các công cụ công nghệ cơ bản (ví dụ: MS Teams hoặc Google Meet) để tổ chức các hoạt động giảng dạy.	Sử dụng các công cụ công nghệ cơ bản (ví dụ: email, ứng dụng nhắn tin) để tương tác với người học.	Sử dụng các công cụ công nghệ cơ bản (ví dụ: Google Docs) để tương tác với người học.	Khuyến khích người học sử dụng các công cụ công nghệ cơ bản (ví dụ: Trello, Google Calendar) để tự quản lý các hoạt động học tập.	Hiểu các nguyên lý cơ bản về cách AI hoạt động, lợi ích và hạn chế của AI đối với hoạt động dạy học.
Trung cấp	Sử dụng các công cụ công nghệ (ví dụ: LMS) có mục đích và chiến lược để nâng cao hiệu quả giảng dạy như truyền tải nội dung và tương tác.	Sử dụng các công cụ công nghệ với các tính năng nâng cao (ví dụ: MS Teams, Zoom hoặc Google Meet với tính năng chia phòng, bảng tương tác, v.v.) để tăng cường việc tương tác, giám sát và hướng dẫn người học.	Triển khai môi trường số để hỗ trợ các hoạt động học tập hợp tác bằng cách sử dụng các công cụ công nghệ nâng cao (ví dụ: LMS, Padlet hoặc Miro)	Sử dụng các công cụ công nghệ nâng cao (ví dụ: LMS hoặc Kahoot) để thiết kế các hoạt động học tập tự điều chỉnh.	Sử dụng và ứng dụng các công cụ AI để tinh chỉnh, lặp lại và/hoặc cải tiến các hoạt động dạy học, nhằm tối ưu hóa hiệu quả giáo dục.
Cao cấp	Sử dụng các công cụ công nghệ tiên tiến như AI	Sử dụng các công cụ công nghệ tiên tiến như AI	Sử dụng các công cụ công nghệ tiên tiến	Sử dụng các công cụ công nghệ tiên tiến như AI để đổi	Phân tích và đánh giá các vấn đề liên quan đến

	(ví dụ: hệ thống thích ứng) để đổi mới hoạt động giảng dạy.	(ví dụ: chatbot, trợ lý ảo) để đổi mới việc cung cấp hướng dẫn và hỗ trợ người học.	như AI để đổi mới các hoạt động học tập hợp tác.	mới các hoạt động học tập tự điều chỉnh.	thiên kiến, đạo đức và những ứng dụng quan trọng khác của AI trong hoạt động dạy học.
--	---	---	--	--	---

3.3. Bảng tiêu chí đánh giá miền năng lực số “Đánh giá trực tuyến”

Cấp độ	N3.1. Đánh giá trực tuyến	N3.2. Phân tích dữ liệu số	N3.3. Phản hồi và lập kế hoạch
Sơ cấp	Sử dụng công cụ soạn thảo văn bản cơ bản (ví dụ: Google Docs, Microsoft Word) để tạo bài kiểm tra, nhưng chủ yếu triển khai đánh giá theo hình thức trực tiếp tại lớp học.	Đánh giá dữ liệu số cơ bản về hoạt động và hiệu suất của người học (ví dụ: điểm số).	Sử dụng các công cụ công nghệ cơ bản (ví dụ: email, ứng dụng tin nhắn) để cung cấp thông tin phản hồi và lập kế hoạch cho người học.
Trung cấp	Sử dụng các công cụ công nghệ nâng cao (ví dụ: LMS) để thiết kế các dạng bài kiểm tra, đánh giá trực tuyến.	Tạo và đánh giá các nguồn dữ liệu số đa dạng để cung cấp thông tin phục vụ việc xây dựng các chiến lược dạy học (ví dụ: tiến độ học tập, nhu cầu hỗ trợ của người học).	Sử dụng dữ liệu số và các công cụ công nghệ nâng cao (ví dụ: LMS) để tối ưu hóa việc cung cấp phản hồi và lập kế hoạch dạy học.
Cao cấp	Sử dụng các công cụ công nghệ tiên tiến như AI (ví dụ: hệ thống thích ứng) để đổi mới các dạng bài kiểm tra, đánh giá trực tuyến.	Sử dụng các công cụ công nghệ tiên tiến như AI để phân tích dữ liệu số chuyên sâu về các mô hình học tập và chiến lược giảng dạy.	Sử dụng dữ liệu số và các công cụ công nghệ tiên tiến như AI để cá nhân hóa phản hồi cho người học và điều chỉnh hoạt động dạy học.

3.4. Bảng tiêu chí đánh giá miền năng lực số “Trao quyền cho người học trong môi trường số”

Cấp độ	N4.1. Khả năng tiếp cận và hòa nhập	N4.2. Phân hóa và cá nhân hóa	N4.3. Thúc đẩy sự tham gia của người học
Sơ cấp	Nhận thức về các vấn đề liên quan đến khả năng tiếp cận và hòa nhập của người học trong môi trường trực tuyến.	Nhận thức về tiềm năng của công nghệ số trong việc phân hóa và cá nhân hóa.	Sử dụng các công cụ công nghệ cơ bản (ví dụ: Mentimeter, Poll Everywhere) để thu hút sự tham gia của người học.

Trung cấp	Sử dụng các công cụ công nghệ (ví dụ: Immersive Readers, Screen Magnifiers) để giải quyết các vấn đề về khả năng tiếp cận và hòa nhập của người học.	Sử dụng các công cụ công nghệ (ví dụ: LMS) để phân hóa và cá nhân hóa học tập, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học.	Sử dụng nhiều công cụ công nghệ đa dạng để cải thiện sự tham gia và cộng tác của người học (ví dụ: Padlet, Miro, Kahoot).
Cao cấp	Đổi mới các chiến lược phù hợp với Thiết kế phổ quát (Universal Design for Learning - UDL) để tăng cường khả năng tiếp cận và hòa nhập.	Đổi mới các chiến lược phân hóa và cá nhân hóa thông qua các công cụ công nghệ tiên tiến.	Đổi mới các chiến lược thúc đẩy sự tham gia tích cực của người học thông qua các công cụ công nghệ tiên tiến.

3.5. Bảng tiêu chí đánh giá miền năng lực số “Thúc đẩy năng lực số của người học”

Cấp độ	N5.1. Thúc đẩy sự hiểu biết thông tin và sử dụng công nghệ có trách nhiệm của người học	N5.2. Thúc đẩy khả năng sáng tạo nội dung số của người học	N5.3. Thúc đẩy khả năng sử dụng AI tạo sinh của người học
Sơ cấp	Nhận thức về cách sử dụng nội dung số an toàn, hợp pháp, có đạo đức và trách nhiệm, bao gồm cách sử dụng các công cụ trích dẫn (ví dụ: Zotero).	Sử dụng các công cụ công nghệ cơ bản (ví dụ: Google Docs, Canva) để tạo các nội dung số đơn giản, chẳng hạn như văn bản hoặc hình ảnh cơ bản.	Hiểu vai trò cơ bản, tác động, lợi ích và hạn chế của AI trong giáo dục.
Trung cấp	Xác thực và phân tích thông tin; đồng thời, triển khai các biện pháp bảo mật (ví dụ: bảo vệ bằng mật khẩu, mã hóa cơ bản).	Sử dụng các công cụ công nghệ nâng cao (ví dụ: Adobe Spark, Capcut) để tạo nội dung đa phương tiện, như video, bài thuyết trình hoặc đồ họa phức tạp hơn.	Sử dụng và ứng dụng các công cụ AI để hỗ trợ việc học, tư duy phản biện và giải quyết các nhiệm vụ cụ thể.
Cao cấp	Phát triển các chính sách và chiến lược để quản lý, phân tích và bảo vệ dữ liệu một cách có trách nhiệm (ví dụ: tuân thủ GDPR).	Đổi mới các chiến lược sáng tạo nội dung số, sử dụng các công nghệ tiên tiến như AI, VR hoặc AR để phát triển nội dung tương tác và thu hút cao.	Phân tích và đánh giá nguồn thông tin được cung cấp bởi AI trên các khía cạnh minh bạch, an toàn và đạo đức.

nh